TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 11/2018/DS-ST
Ngày 08 - 11 - 2018
V/v tranh chấp đòi quyền sử dụng đất và chia tài sản chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Trung Tiến

Bà Liêu Bích Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Nhi - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Út Mười - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 12/2017/TLST- DS ngày 27 tháng 10 năm 2017 về việc "*Tranh chấp đòi quyền sử dụng đất và chia tài sản chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 15/2018/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Cao Kim T, sinh năm 1955 (chết ngày 02 tháng 5 năm 2018).

Địa chỉ: Ấp CĐ, xã CT, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn bà Cao Kim T:

1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1932 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp BH, xã LT, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu.

2. Ông Bùi Trung H, sinh năm 1952 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp CĐ, xã CT, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu.

3. Chị Bùi Thị P, sinh năm 1976 (có yêu cầu vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp BHN, xã LT, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu.

4. Anh Bùi Trung G, sinh năm 1979 (có yêu cầu vắng mặt)

5. Anh Bùi Trung T, sinh năm 1986 (có mặt)

Cùng địa chỉ thường trú: Ấp CĐ, xã CT, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu. Cùng địa chỉ tạm trú: Số A, tổ B, ấp C, xã XT, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Chị Bùi Thị C, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 11, xã VL, huyện TT, tỉnh Sóc Trăng.

7. Chị Bùi Thị V, sinh năm 1987 (có yêu cầu vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp BHN, xã LT, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu.

8. Chị Bùi Thị G, sinh năm 1991 (có yêu cầu vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: Ấp TB, xã TP, huyện CT, tỉnh Đồng Tháp. Địa chỉ tạm trú: Số A, tổ B, ấp C, xã XT, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh.

9. Anh Bùi Trung N, sinh năm 1993 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp CĐ, xã CT, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu.

- *Bị đơn:* Bà Cao Kim X, sinh năm 1968 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp BH, xã LT, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. NLQ1, sinh năm 1932 (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ1: Bà Cao Kim X, sinh năm 1968, địa chỉ: Ấp BH, xã LT, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 04 tháng 01 năm 2018 - có mặt).

2. NLQ2, sinh năm 1952 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số B, khu phố D, phường TN Quận 1X, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. NLQ3, sinh năm 1956 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Công Điền, xã CT, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu.

4. NLQ4, sinh năm 1961 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp BH, xã LT, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu.

5. NLQ5, sinh năm 1964 (có yêu cầu vắng mặt).

Địa chỉ: Số C, khu phố D, phường TN, Quận 1X, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. NLQ6, sinh năm 1967 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp BH, xã LT, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu.

7. NLQ7, sinh năm 1966 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp BH, xã LT, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu.

8. NLQ8, sinh năm 1975 (vắng mặt).

9. NLQ9, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp CĐ, xã CT, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu.

10. NLQ10, sinh năm 1970 (vắng mặt).

11. NLQ11, sinh năm 1971 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp BH, xã LT, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu.

12. NLQ12. Địa chỉ: Ấp XC, thị trấn CH, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật của NLQ12: Ông Từ Minh P – Chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Từ Minh P: Ông Nguyễn Hùng D – Chức vụ: Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện VL, tỉnh Bạc Liêu (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 30 tháng 11 năm 2017 – có yêu cầu vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16 tháng 10 năm 2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 10 tháng 11 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Cao Kim T trình bày:

Cha, mẹ bà là ông Cao Thành P và bà Nguyễn Thị H sống chung với nhau có 07 người con chung gồm NLQ2, bà Cao Kim T, NLQ3, ông Cao Công Đ (chết lúc 09 tuổi), NLQ4, NLQ5, NLQ6. Năm 1968 ông P hy sinh, đến năm 1969 mẹ bà sống chung với ông Trần Hai G (đã chết) và có 02 người con là bà Cao Kim P (chết lúc 04 tuổi) và bà Cao Kim X. Khi cha, mẹ chung sống có tạo lập được tài sản là 20 công đất trồng lúa tọa lạc tại ấp BH, xã LT, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu. Năm 1971 mẹ bà lấy 10 công đất chuyển nhượng cho bà M (đã chết) trong 20 công đất nêu trên. Còn lại 10 công đất thì NLQ2, bà và NLQ3 trực tiếp canh tác, mẹ bà không trực tiếp canh tác đất mà chỉ quán xuyến công việc trong gia đình.

Đến khoảng năm 1984 mẹ bà lấy 10 công đất trên cho NLQ6, năm 1993 NLQ6 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cũng trong năm 1993 mẹ bà lấy 02 công đất cho NLQ4, 02 công đất cho bà X, 01 công đất cho NLQ5 (tổng cộng 05 công trong tổng số 10 công mà mẹ bà đã lấy cho NLQ6) nhưng không được sự đồng ý của các chị, em bà. Sau đó không biết vì lý do gì mà bà X sử dụng hết 05 công đất. Nay bà đồng ý cho NLQ6 tiếp tục sử dụng 05 công đất mà mẹ bà cho. Còn 05 công đất bà X đang sử dụng (qua đo đạc thực tế có diện tích là 6.332m^2) thì bà yêu cầu bà X trả lại cho các chị, em bà và chia đều 05 công đất trên cho bà, NLQ2, NLQ3, NLQ4, NLQ5. Nếu Tòa án giao đất cho ai quản lý thì bà yêu cầu được nhận giá trị phần đất mà bà được hưởng. Riêng NLQ6 đã có đất rồi nên bà không yêu cầu chia cho NLQ6. Ngoài ra, bà yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của NLQ6 đối với phần đất đang tranh chấp.

Ngày 02 tháng 5 năm 2018 bà T chết (căn cứ theo Giấy chứng tử ngày 07 tháng 5 năm 2018 - bút lục 299). Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà T gồm bà Nguyễn Thị H (mẹ ruột), ông Bùi Trung H (chồng) và các con là chị Bùi Thị P, anh Bùi Trung G, chị Bùi Thị C, anh Bùi Trung T, chị Bùi Thị V, chị Bùi Thị G, anh Bùi Trung N.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà T là bà Nguyễn Thị H trình bày: Trong quá trình làm việc và tại phiên tòa bà H tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T đối với bà X.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà T là ông Bùi Trung H, chị Bùi Thị P, anh Bùi Trung G, anh Bùi Trung T, chị Bùi Thị V, chị Bùi Thị G thống nhất trình bày:

Ông H, chị P, anh G, anh T, chị V, chị G giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của bà T đối với bà X. Đối với giá trị phần đất mà bà T được hưởng thì chị P, anh G, anh T, chị V, chị G đồng ý giao anh Bùi Trung N quản lý. Tại phiên tòa ông H yêu cầu được giao cho anh T quản lý và được anh T đồng ý.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà T là anh Bùi Trung N trình bày: Trong quá trình làm việc và tại phiên tòa anh N tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T đối với bà X.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà T là chị Bùi Thị C được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Bị đơn bà Cao Kim X đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ7 thống nhất trình bày:

Ông, bà thống nhất với lời trình bày của bà Cao Kim T về mối quan hệ gia đình như bà T trình bày. Tuy nhiên, ông, bà xác định bà X là con ruột của ông P và bà H chứ không phải con riêng của bà H.

Bà X không biết cha, mẹ có bao nhiêu công đất vì lúc đó bà còn rất nhỏ nhưng khi lớn lên thì bà X biết cha, mẹ có 10 công đất. Năm 1978 Nhà nước trang trải đất, tại thời điểm đó gia đình bà X còn 10 công đất và có 05 nhân khẩu gồm bà H, NLQ4, NLQ5, NLQ6 và bà X nên mỗi người được 02 công. Nhà nước không lấy đi và cũng không cấp thêm. Lúc đó bà X còn nhỏ nên bà H giữ hộ đất cho bà X, đến khoảng năm 1989 - 1990 thì bà H cho NLQ4 02 công, NLQ5 01 công, NLQ6 04 công, bà X 02 công, 01 công còn lại làm đất nền để cất nhà thờ cúng. Sau khi được cho đất thì ông, bà trực tiếp sử dụng, đến năm 1996 ông, bà lấy 02 công đổi 1,5 công của NLQ6. Đến năm 1997 ông, bà nhận chuyển nhượng của NLQ5 01 công, năm 2007 - 2008 nhận chuyển nhượng của NLQ4 02 công đất. Khi đổi đất với NLQ6 thì không làm giấy tờ, khi nhận chuyển nhượng đất của NLQ4, NLQ5 thì có làm giấy tay do NLQ6 và ông Trần Văn T cùng xóm viết. Các chị, em bà X đều biết việc bà H cho đất, việc chuyển nhượng đất cũng như việc đổi đất nêu trên và họ đều không có ý kiến. Phần đất trên ông, bà chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì vào năm 1993 NLQ6 đứng ra kê khai toàn bộ 10 công đất và NLQ6 không chịu tách bằng khoán cho ông, bà, từ đó mới phát sinh tranh chấp.

Hiện nay phần đất này ông, bà đã cố cho NLQ8 03 công với giá 03 lượng vàng 24k, thời hạn cố là 03 năm, thời gian cố từ năm 2016 đến năm 2018 là hết

hạn hợp đồng, khi cố đất có làm giấy tay hiện NLQ8 giữ, phần còn lại ông, bà cho NLQ8 thuê với giá 25 giạ lúa/01công, cho thuê trùng với thời gian cố đất, cho thuê theo từng năm, ông, bà và NLQ8 thỏa thuận mỗi năm NLQ8 trả cho ông, bà 2.500.000 đồng/01công. Sau đó NLQ8 đổi hết phần đất nêu trên với ông NLQ10 để canh tác. Việc thỏa thuận đổi đất giữa NLQ8 và NLQ10 như thế nào thì ông, bà không biết. Tuy nhiên, khi nào ông, bà có tiền sẽ đến gặp NLQ8 để chuộc lại đất. Tại phiên tòa ông, bà không yêu cầu xem xét việc cố và thuê đất với NLQ8.

Nay ông, bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà T vì phần đất trên thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông, bà. Ngoài ra, phần đất này ông, bà đã sử dụng từ trước đến nay nên dù phần đất dư ra hơn 4,5 công thì vẫn là của ông, bà. Lý do phần đất dư ra hơn 4,5 công là vì khi bà H cho đất, khi bà X nhận chuyển nhượng đất của NLQ4, NLQ5 và khi bà X đổi đất với NLQ6 thì không đo đạc, trong quá trình sử dụng ông, bà đã phá bờ ranh giữa các công đất cho liền mảnh để thuận tiện việc canh tác trồng lúa như hiện nay.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ2, NLQ3 thống nhất trình bày:

Các bà thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn bà Cao Kim T trước đây về mối quan hệ gia đình và tài sản của ông P, bà H. Các bà xác định năm 1978 Nhà nước có thực hiện chính sách trang trải đất nhưng do đất của gia đình các bà là đất liệt sĩ nên Nhà nước không lấy đất để trang trải và cũng không được trang trải thêm. Các bà không biết việc bà H lấy 05 công đất trong tổng số 10 công đã cho NLQ6 để cho NLQ4, NLQ5, bà X cũng như khi NLQ4, NLQ5 chuyển nhượng đất cho bà X và khi bà X đổi đất với NLQ6, đến khi tranh chấp các bà mới biết. Các bà không đồng ý việc bà H tự ý lấy đất cho NLQ4, NLQ5, NLQ6, bà X vì chưa được sự đồng ý của chị, em các bà. Nay các bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ4 và NLQ5 thống nhất trình bày:

Các bà thống nhất theo lời trình bày của bị đơn bà Cao Kim X về mối quan hệ gia đình và tài sản của ông P, bà H. Các bà xác định năm 1978 Nhà nước có thực hiện chính sách trang trải đất và gia đình bà H vẫn thực hiện chính sách này. Có việc bà H cho đất NLQ4, NLQ5, bà X, có việc bà X nhận chuyển nhượng đất của NLQ4, NLQ5 và đổi đất với NLQ6 như bà X trình bày. Bà T, NLQ2, NLQ3 tuy không trực tiếp chứng kiến sự việc trên nhưng họ có nghe bà H nói lại nên đều biết và không có ý kiến. Khi cho đất, khi chuyển nhượng đất cũng như khi đổi đất thì các bên đều không đo đạc thực tế, chỉ nói miệng với nhau vì đất nguyên mẫu. Nay các bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà T. Đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà X, phần đất nếu có dư hơn 4,5 công thì vẫn là của bà X.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ6 trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn bà Cao Kim T trước đây về mối quan hệ gia đình và tài sản của ông P bà H. Có việc bà H cho đất ông, NLQ4, NLQ5, bà X, có việc bà X nhận chuyển nhượng đất của NLQ4, NLQ5 và đổi đất với ông như bà X trình bày. Khi chuyển nhượng đất ông đều có chứng kiến và viết giấy chuyển nhượng. NLQ2, bà T và NLQ3 đều biết và không có ý kiến gì.

Nguyên nhân phát sinh tranh chấp là do bà X yêu cầu tách bằng khoán nhưng bà T, NLQ3 không đồng ý. Nay ông đồng ý một phần yêu cầu khởi kiện của bà T, đồng ý bà X được quyền sử dụng 4,5 công, thực tế bà X sử dụng đến 05 công, như vậy 0,5 công dư ra thì chia đều cho các chị, em ông gồm NLQ2, bà T, NLQ3, NLQ4, NLQ5, bà X.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ8 trình bày:

Năm 2016 ông và vợ là NLQ9 có nhận cố và thuê phần đất tranh chấp của bà Cao Kim X (nhận cố 03 công, thuê 1,5 công), giá cố 01 công là 01 lượng vàng 24k, thời gian chuộc đất là 03 năm, khi cố có làm giấy tờ hiện ông đang giữ, giá thuê là 20 giạ lúa/01 công/01 năm, thuê theo từng năm, giao tiền thuê đất lúc đầu vụ lúa cho bà X. Sau khi nhận đất từ bà X thì ông không sử dụng mà đổi hết cho NLQ10 (đổi cùng năm 2016) để tiện canh tác, việc đổi đất này bà X cũng biết và không có ý kiến. Nay giữa bà X và bà T có tranh chấp liên quan đến phần đất này thì ông có ý kiến là nếu Tòa án tuyên bà X trả đất thì ông yêu cầu bà X trả vàng cố đất và tiền thuê đất lại cho ông. Đối với phần đất mà ông đã đổi với NLQ10 thì ông và NLQ10 sẽ tự thỏa thuận với nhau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ10 trình bày:

Trước đây (không biết vào thời gian nào) bà Cao Kim X có cầm cố cho NLQ8. Đến khoảng đầu năm 2017 (không nhớ tháng mấy) thì NLQ8 đổi phần đất cầm cố của bà X cho ông, lý do đổi là để tiện canh tác, khi đổi đất không làm giấy tờ gì. Việc đổi đất giữa ông và NLQ8 thì bà X biết và không có ý kiến gì. Hiện nay phần đất này ông đang canh tác lúa. Đối với tranh chấp giữa bà T và bà X thì ông không có ý kiến. Tuy nhiên, khi giải quyết nếu buộc ông trả lại đất thì ông yêu cầu lúa ông đang trồng chưa đến thời điểm thu hoạch thì phải cho ông thu hoạch xong, sau đó ông sẽ trả đất cho NLQ8, rồi NLQ8 trả lại cho ai thì trả. Còn phần đất của ông đổi với NLQ8 thì ông và NLQ8 sẽ tự thỏa thuận.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan NLQ9, NLQ11 đã được Tòa án triệu tập làm việc nhiều lần những vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện theo ủy quyền của NLQ12 trình bày:

Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho NLQ6 vào thời điểm năm 1993 chỉ là cấp theo kê khai chứ không đo đạc thực tế. Hiện NLQ6 vẫn chưa thực hiện việc cấp đổi lại giấy mới nên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 26 tháng 5 năm 1993 không còn thời hạn sử dụng. Qua xem xét thấy rằng khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho NLQ6 là sai sót do tại thời điểm cấp không xác minh, vì đất là của bà Nguyễn Thị H mẹ NLQ6, chưa có ý kiến của bà H mà đã cấp giấy cho NLQ6. Bên cạnh đó, trước khi NLQ6 được cấp giấy thì bà H đã lấy một số diện tích đất cho các chị, em NLQ6, nhưng NLQ6 vẫn đứng ra kê khai toàn bộ diện tích đất. Như vậy, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho NLQ6 là sai trình tự, thủ tục. Nay NLQ12 đề nghị Tòa án giải quyết vụ kiện đúng quy định pháp luật và hủy toàn bộ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do NLQ6 đứng tên.

Sau khi có quyết định của Tòa án thì NLQ12 sẽ cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người nào được hưởng phần đất khi có yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý đến ngày xét xử thấy rằng Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng khác đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát đúng theo quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Cao Kim T đối với bà Cao Kim X về việc yêu cầu bà X trả lại phần đất diện tích 6.332m^2 và hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do NLQ6 đứng tên đối với phần đất tranh chấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Sau khi nghe ý kiến trình bày của đương sự, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Thẩm quyền giải quyết: Bà Cao Kim T khởi kiện yêu cầu bà Cao Kim X giao trả phần đất tọa lạc tại ấp BH, xã LT, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu và yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do NLQ6 đứng tên nên căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

[3] Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn bà Cao Kim T là chị Bùi Thị C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ2, NLQ8, NLQ9, NLQ10, NLQ11 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và không có yêu cầu xét xử vắng mặt; Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn bà Cao Kim T là chị Bùi Thị P, anh Bùi Trung G, chị Bùi Thị V, chị Bùi Thị G và đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ12 là ông Nguyễn Hùng D có yêu cầu xét xử vắng mặt nên việc xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên là phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Xét về mối quan hệ gia đình: Bà T xác định cha, mẹ bà là ông Cao Thành P và bà Nguyễn Thị H sống chung với nhau có 07 người con chung gồm NLQ2, bà Cao Kim T, NLQ3, ông Cao Công Đ (chết lúc 09 tuổi), NLQ4, NLQ5, NLQ6. Năm 1968 cha bà hy sinh, đến năm 1969 mẹ bà sống chung với ông Trần Hai Gỗ (đã chết) và có 02 người con là bà Cao Kim P (chết lúc 04 tuổi) và bà Cao

Kim X, bà X không phải là con ruột của ông P. Phía bà X xác định bà là con ruột của ông P và bà H, không phải là con riêng của bà H như bà T trình bày. Xét thấy, tại biên bản lấy lời khai ngày 18 tháng 01 năm 2018 (bút lục 113, 114, 115) và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị H xác định bà X là con chung của bà và ông P. Bà T xác định bà X không phải là con ruột của ông P nhưng không có chứng cứ gì chứng minh. Do đó, Tòa án không chấp nhận lời trình bày này của bà T.

[5] Căn cứ biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 02 tháng 3 năm 2018 (bút lục 187, 188, 189, 190), Trích đo hiện trạng phần đất tranh chấp ngày 20 tháng 3 năm 2018 (bút lục 198) và Công văn số 569/UBND-NC ngày 10 tháng 5 năm 2018 của NLQ12 (bút lục 279) thể hiện đất tranh chấp có tổng diện tích là 6.332m^2 gồm hai phần. Phần 1: Diện tích 4.307m^2 tại thửa 118 và thửa 120, tờ bản đồ 04. Phần 2: Diện tích 2.025m^2 tại thửa 123, một phần thửa 125 tờ bản đồ 04. Theo cơ sở dữ liệu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì các thửa đất 118, 120, 123, 125, tờ bản đồ 04 nêu trên chưa được NLQ12 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đất tranh chấp tọa lạc tại ấp BH, xã LT, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu, có vị trí và số đo cụ thể như sau:

- Hướng Đông giáp đất NLQ6 có số đo 50,2m.

- Hướng Tây giáp đất NLQ6 có số đo 50,4m.

- Hướng Nam giáp đất ông Đặng Văn S có số đo 41,1m + 0,7m + 53m + 36,7m.

- Hướng Bắc giáp đất bà Trần Ngọc T có số đo 83,7m + 41,2m.

Hiện trạng đất tranh chấp là đất trồng lúa do NLQ10 canh tác. Ngoài ra trên đất không có tài sản gì khác.

[6] Nguồn gốc đất tranh chấp được các bên thống nhất xác định là của cha, mẹ là ông P và bà H. Đây là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 1 điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[7] Theo lời khai của bà T và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà T xác định: Tài sản của cha, mẹ bà T có 20 công đất trồng lúa, sau khi ông P hy sinh thì bà H lấy 10 công đất chuyển nhượng cho người khác, còn lại 10 công đất là của ông P, ông P hy sinh thì phần đất này là tài sản chung của chị, em bà T. Bà H tự ý lấy đất cho bà X mà không được sự đồng ý của bà T và các chị, em khác của bà T nên yêu cầu bà X trả lại phần đất tranh chấp để chia cho NLQ2, bà T, NLQ3, NLQ4, NLQ5, 05 công đất còn lại để cho NLQ6 sử dụng. Phía bà X xác định: Năm 1978 Nhà nước trang trải ruộng đất, tại thời điểm đó gia đình bà còn 10 công đất và có 05 nhân khẩu gồm bà H, NLQ4, NLQ5, NLQ6 và bà, mỗi người được 02 công nên Nhà nước không lấy đi và cũng không cấp thêm. Đến khoảng năm 1989 - 1990 thì bà H giao lại cho bà 02 công, NLQ4 02 công, NLQ6 04 công, NLQ5 01 công, 01 công còn lại làm đất nền để cất nhà thờ cúng. Khi bà H cho đất NLQ4, NLQ5, NLQ6 và bà thì các chị, em khác của bà đều biết và không có ý kiến gì. Sau khi được cho đất thì bà trực tiếp sử dụng, đến năm 1996 bà lấy 02 công đất của bà đổi 1,5 công đất của NLQ6 để tiện canh tác. Lần lượt các năm 1997, 2007,

2008 thì NLQ4 và NLQ5 chuyển nhượng hết đất của NLQ4, NLQ5 cho bà (03 công). Bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà T cũng như lời trình bày của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà T vì phần đất trên thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà.

[8] Tại biên bản lấy lời khai ngày 18 tháng 01 năm 2018 (bút lục 113, 114, 115) và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị H xác định: Tài sản của vợ, chồng bà có 20 công đất do Nhà nước cấp. Sau đó vợ, chồng bà chuyển nhượng lại cho bà M 10 công. Sau khi giải phóng Nhà nước trang trải ruộng đất, theo quy định mỗi người được 02 công, gia đình bà có 05 người là bà, NLQ4, NLQ5, NLQ6 và bà X. Do gia đình có 10 công đất nên Nhà nước không lấy đi và cũng không cấp thêm. Sau đó bà mới lấy 02 công cho NLQ4, 01 công cho và NLQ5, 02 công cho bà X. NLQ4 và NLQ5 chuyển nhượng hết cho bà X các phần đất mà bà đã cho. Bà X lấy 02 công đổi lấy 1,5 công với NLQ6. NLQ6 tự ý đi kê khai đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà không hỏi ý kiến của bà. Khi bà cho đất NLQ4, NLQ5, XuNLQ5 cũng như khi NLQ4, NLQ5 chuyển nhượng cho bà X và khi bà X đổi đất với NLQ6 thì những người con khác của bà đều biết và không có ý kiến. Ngoài ra, khi giao đất thì các bên không đo đạc mà chỉ ra chỉ ranh vì đất có mẫu sẵn. Bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà T.

[9] Tại biên bản lấy lời khai ngày 01 tháng 12 năm 2018 (bút lục 91, 92, 93) và tại phiên tòa NLQ6 xác định: Có việc bà H cho đất NLQ4, NLQ5, bà X, có việc bà X nhận chuyển nhượng đất của NLQ4, NLQ5 và đổi đất với ông như bà X và bà H trình bày. Khi chuyển nhượng đất ông đều có chứng kiến và viết giấy chuyển nhượng. NLQ2, bà T và NLQ3 đều biết và không có ý kiến gì. Bà T, NLQ3 cho rằng nếu bà X muốn tách bằng khoán thì phải hỏi ý kiến của họ. Bà X không đồng ý và các bên phát sinh tranh chấp.

[10] Tại Giấy chuyển nhượng đất (bút lục 84) thể hiện: Bà H cho NLQ5 01 công đất vì hoàn cảnh khó khăn nên NLQ5 chuyển nhượng lại cho bà X, giấy chuyển nhượng đất do bà X viết, có chữ ký của bà H, NLQ5, bà X và được bà H, NLQ5 thừa nhận. Giấy chuyển nhượng đất nông nghiệp ngày 20 tháng 4 năm 2018 (bút lục 82) thể hiện: NLQ4 chuyển nhượng cho bà X 1.300 m^2 đất nông nghiệp, giấy này được ông Trần Văn T viết, có chữ ký của NLQ4 và được NLQ4 và ông T thừa nhận. Giấy chuyển nhượng đất nông nghiệp ngày 17 tháng 5 năm 2007 (bút lục 81) thể hiện: NLQ4 chuyển nhượng cho bà X 1.300m^2 đất có chữ ký của NLQ4, bà X, giấy này được NLQ6 viết và được NLQ4, NLQ6 thừa nhận.

[11] Tại lời khai ngày 18 tháng 01 năm 2018 (bút lục 116, 117, 118, 119, 120, 121) ông Nguyễn Văn B, ông Trần Văn T, ông Nguyễn Văn G xác định: Có việc trang trải đất như bà X và bà H trình bày. Quy định mỗi người được trang trải 02 công, các ông không biết tại thời điểm đó gia đình bà H có mấy công đất nhưng Nhà nước không lấy đi và cũng không cấp thêm. Sau đó bà H lấy đất cho NLQ4, NLQ5, bà X. Đất do bà X quản lý từ trước đến nay, các chị, em khác của bà X đều không có ý kiến. Nguyên nhân xảy ra tranh chấp là do bà X yêu cầu NLQ6 tách bằng khoán nhưng NLQ6 không đồng ý.

[12] Tại biên bản xác minh ngày 05 tháng 11 năm 2018 (bút lục 490, 491) ông Cao Thái H xác định: Vào khoảng năm 1978 -1980 Nhà nước có trang trải đất theo chính sách "*nhường cơm xẻ áo*", tại thời điểm đó số đất của gia đình bà H tương đương với số người trong gia đình bà H được trang trải (mỗi người được 02 công) nên đất của gia đình bà H không bị trang trải và cũng không được trang trải thêm. Việc bà T cho rằng đất gia đình liệt sĩ nên không được trang trải là không đúng.

[13] Tại biên bản lấy lời khai ngày 01 tháng 12 năm 2017 (bút lục 87, 88, 89), ngày 05 tháng 12 năm 2017 (bút lục 97, 98, 99), ngày 11 tháng 12 năm 2017 và ngày 10 tháng 10 năm 2018 (bút lục 474, 475, 476, 477) NLQ4, NLQ3, NLQ2, NLQ5 và tại phiên tòa NLQ3, NLQ4 cùng xác định năm 1978 Nhà nước có thực hiện chính sách trang trải đất. NLQ4, NLQ5 xác định gia đình bà H vẫn phải thực hiện chính sách này nhưng do lúc đó gia đình bà H có 10 công đất và 05 người tương đương với quy định mỗi người được 02 công nên Nhà nước không lấy đi và cũng không được trang trải thêm. Còn NLQ2, NLQ3 cho rằng gia đình bà là gia đình liệt sĩ nên Nhà nước không lấy đất của gia đình bà để trang trải. Xét thấy, lời trình bày của NLQ2, NLQ3 là không có cơ sở vì chính sách trang trải ruộng đất là quy định chung không có trường hợp nào được ưu tiên không phải thực hiện. Do đó, có căn cứ xác định có việc Nhà nước trang trải đất theo chính sách "*nhường cơm xẻ áo*", gia đình bà H có 10 công đất và có 05 người nên mỗi người được 02 công. Thực tế 05 công bà X đang sử dụng thì chỉ có 02 công do bà H giao cho sau khi trang trải đất và bà X nhận chuyển nhượng của NLQ4 02 công, NLQ5 01 công nên không có việc bà H cho bà X 05 công như bà yêu cầu khởi kiện của bà T.

[14] Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 4 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 quy định*: "Nhà nước không thừa nhận việc đòi đất và không xem xét giải quyết khiếu nại về việc đòi lại đất mà Nhà nước đã giao cho người khác sử dụng theo chính sách ruộng đất trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 trong trường hợp đất đã chia cho người khác khi hưởng ứng cuộc vận động san sẻ bớt một phần ruộng đất để chia cho người không có ruộng và thiếu ruộng tại miền Nam sau ngày giải phóng".* Đồng thời, tại khoản 5 Điều 26 Luật Đất đai năm 2013 quy định: "*Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo quy định của nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam".*

[15] Căn cứ quy định trên thì đất tranh chấp đã được Nhà nước trang trải nên không còn là tài sản của ông P và cũng không trở thành tài sản chung của chị, em bà T như bà T trình bày. Sau khi ông P hy sinh thì bà H chuyển nhượng 10 công đất cho người khác và phần đất đã chuyển nhượng này là tài sản chung của ông P và bà H. Các đương sự đều xác định bà H chuyển nhượng đất nhằm mục đích sinh sống cho bà H các con của ông P và bà H. Tại thời điểm trang trải đất hộ bà H không có bà T, cho nên việc tặng cho hay chuyển nhượng đều do các thành viên trong hộ có quyền quyết định. Ông P hy sinh năm 1968 tính đến thời điểm phát sinh tranh chấp năm 2013 là đã hết thời hiệu chia thừa kế. Trong suốt thời gian bà

X sử dụng đất thì bà T và các chị, em khác của bà T đều không có ý kiến. Bà T khởi kiện đòi đất tranh chấp và chia tài sản chung nhưng bà T và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà T đều không đưa ra được chứng cứ chứng minh, do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T cũng như lời trình bày của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà T.

[16] Đối với việc NLQ6 xác định đất bà X được quyền sử dụng 4,5 công nhưng thực tế bà X sử dụng 05 công nên yêu cầu bà X trả 0,5 công để chia ra cho NLQ2, bà T, NLQ3, NLQ4, NLQ5 và bà X mỗi người một phần. Phía bà X xác định do trong quá trình sử dụng bà X đã phá các bờ ranh cải tạo đất cho liền mảnh để tiện canh tác nên phần đất có dư hơn 4,5 công thì vẫn là của bà. Xét thấy, khi bà H giao đất cho NLQ4, NLQ5, bà X cũng như khi NLQ4, NLQ5 chuyển nhượng cho bà X và khi bà X đổi đất với NLQ6 thì các bên đều không có đo đạc, chỉ ra chỉ ranh đất vì đất có mẫu sẵn. NLQ4, NLQ5 xác định các phần đất chuyển nhượng cho bà X dù có dư thì vẫn là của bà X. Xét thấy, lời trình bày của NLQ6 là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[17] Xét yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông NLQ6 đứng tên thấy rằng: Bà H cho NLQ6 đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng 10 công và cất nhà trên đất thì nếu có tranh chấp hay không là việc giữa bà X với NLQ6. Do đó, không có căn cứ hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do NLQ6 đứng tên theo yêu cầu của bà T và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bà T.

[18] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Cao Kim T. Có căn cứ chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

[19] Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 900.000 đồng bà T phải chịu toàn bộ, bà T đã nộp xong.

[20] Căn cứ giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo ngày 03 tháng 01 năm 2017 (bút lục 110) thể hiện hộ gia đình ông Bùi Trung H là hộ cận nghèo và ngày 12 tháng 12 năm 2017 bà T có đơn xin giảm án phí (bút lục 111). Do đó, căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban tường vụ Quốc hội miễn án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho bà T. Bà T đã dự nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng nên được hoàn lại, ông H đại diện cho những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà T nhận số tiền trên.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 157, 165, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 4 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10

năm 2004; Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cao Kim T đối với bà Cao Kim X về việc đòi quyền sử dụng đất và chia tài sản chung đối với phần đất diện tích 6.332m^2 gồm hai phần. Phần 1: Diện tích 4.307m^2 tại thửa 118 và thửa 120, tờ bản đồ 04. Phần 2: Diện tích 2.025m^2 tại thửa 123, một phần thửa 125 tờ bản đồ 04. Theo cơ sở dữ liệu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì các thửa đất 118, 120, 123, 125, tờ bản đồ 04 nêu trên chưa được NLQ12 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đất tranh chấp tọa lạc tại ấp BH, xã LT, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu, có vị trí và số đo cụ thể như sau:

- Hướng Đông giáp đất NLQ6 có số đo 50,2m.

- Hướng Tây giáp đất NLQ6 có số đo 50,4m.

- Hướng Nam giáp đất ông Đặng Văn S có số đo 41,1m + 0,7m + 53m + 36,7m.

- Hướng Bắc giáp đất bà Trần Ngọc T có số đo 83,7m + 41,2m.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cao Kim T về việc yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do NLQ6 đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất "*Tấc đất tấc vàng*" được Ủy ban nhân huyện VL, tỉnh Minh Hải (nay là tỉnh Bạc Liêu) cấp vào ngày 26 tháng 5 năm 1993.

3. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 900.000 đồng bà Cao Kim T phải chịu toàn bộ, bà T đã nộp xong.

4. Miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho bà Cao Kim T. Bà Cao Kim T đã dự nộp số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009598 ngày 26 tháng 10 năm 2017 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại đủ. Ông Bùi Trung H đại diện cho những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Cao Kim T nhận số tiền trên tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu.

Án xử công khai, đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- CTHADS tỉnh Bạc Liêu;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trương Thanh Dũng